

**CÔNG TY CỔ PHẦN UNIK HOLDINGS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN UNIK HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UNIK HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: UNIK HOLDINGS.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110017158

**3. Ngày thành lập:** 02/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 19, số 98 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0438271774

Fax: 0438273730

Email: [infor@unik.com](mailto:infor@unik.com)

Website: <http://unikholding.com>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                            | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                   | 4330     |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>- Bán buôn xe có động cơ khác;            | 4511     |
| 5.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                | 4513     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                    | 4610     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng               | 4659     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                          | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đánh giày, khâu vá, giúp việc gia đình;<br>- Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh;<br>- Các hoạt động nhượng quyền sử dụng máy hoạt động bằng đồng xu như: Máy cân, máy kiểm tra huyết áp...                                                                                                                                                                                                                                         | 9639        |
| 11. | Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình như trông trẻ, nấu ăn, quản gia, làm vườn, gác cổng, giặt là, chăm sóc người già, lái xe, trông nom nhà cửa, gia sư, người giám hộ, thư ký...;<br>- Việc làm thuê trong các hộ gia đình định rõ bởi người đi thuê trong việc tổng điều tra hoặc nghiên cứu công việc, kể cả người đi thuê là người độc thân. Giá trị sản phẩm được tạo ra trong hoạt động này được tính là làm thuê trong các hộ gia đình | 9700        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động mua bán nợ; Tư vấn mua bán nợ; Môi giới mua bán nợ (Không bao gồm kinh doanh dịch vụ đòi nợ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6499(Chính) |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6810        |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng<br>- Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng<br>- Dịch vụ định giá bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản<br>- Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới                                                                                                                                                                     | 6820        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê ô tô<br>- Cho thuê xe có động cơ khác                                                                                 | 7710 |
| 18. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                         | 0810 |
| 19. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592 |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển         | 7730 |
| 22. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121 |
| 23. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 24. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130 |
| 25. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311 |
| 26. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 27. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313 |
| 28. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 29. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                               | 3315 |
| 30. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 31. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 32. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 33. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 34. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 35. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 36. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 37. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 38. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 39. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 40. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 41. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.305.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 130.500.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN<br>QUỲNH HOA | Số 15 đường<br>Phạm Tuấn Tài,<br>Phường Dịch<br>Vọng Hậu, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.610.0<br>00 | 26.100.000.000           | 2,000        | 0011750398<br>67                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              | Tổng số                            | 2.610.0<br>00 | 26.100.000.000           | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ QUANG<br>TRUNG | TDP Hoàng 3,<br>Phường Cổ Nhuế<br>1, Quận Bắc Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.915.0<br>00 | 39.150.000.000           | 3,000        | 0300720017<br>83                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              | Tổng số                            | 3.915.0<br>00 | 39.150.000.000           | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                                    |                           |            |                 |        |              |
|---|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN NGỌC TUẤN     | Căn hộ 2201 nhà 249A đường Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 86.130.000 | 861.300.000.000 | 66,000 | 001077043072 |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Tổng số                   | 86.130.000 | 861.300.000.000 | 66,000 |              |
|   |                    |                                                                                                    |                           |            |                 |        |              |
|   |                    |                                                                                                    |                           |            |                 |        |              |
| 4 | NGUYỄN CHÍNH NGHĨA | Tập thể Bệnh viện giao thông vận tải, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 19.575.000 | 195.750.000.000 | 15,000 | 001076014517 |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Tổng số                   | 19.575.000 | 195.750.000.000 | 15,000 |              |
|   |                    |                                                                                                    |                           |            |                 |        |              |
|   |                    |                                                                                                    |                           |            |                 |        |              |
| 5 | TRẦN QUANG TÙNG    | 2/24/92 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 6.525.000  | 65.250.000.000  | 5,000  | 001076023530 |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Tổng số                   | 6.525.000  | 65.250.000.000  | 5,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    |                           |            |                 |        |              |
|   |                    |                                                                                                    |                           |            |                 |        |              |

|   |                         |                                                                                                         |                                    |               |                |       |                  |  |
|---|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|-------|------------------|--|
| 6 | HUỖNH MINH<br>THÀNH     | 49B Cống Vị,<br>Phường Cống Vị,<br>Quận Ba Đình,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.525.0<br>00 | 65.250.000.000 | 5,000 | 0010760231<br>65 |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Tổng số                            | 6.525.0<br>00 | 65.250.000.000 | 5,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         |                                    |               |                |       |                  |  |
| 7 | PHẠM<br>TRƯỜNG<br>GIANG | Số 52 Lô 1 Tổ<br>100, Hoàng Cầu,<br>Phường Ô Chợ<br>Dừa, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.915.0<br>00 | 39.150.000.000 | 3,000 | 0370750000<br>11 |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Tổng số                            | 3.915.0<br>00 | 39.150.000.000 | 3,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         |                                    |               |                |       |                  |  |
| 8 | NGÔ VI<br>QUÂN          | Đội 3, Xã Tả<br>Thanh Oai,<br>Huyện Thanh Trì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.305.0<br>00 | 13.050.000.000 | 1,000 | 0010800141<br>58 |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         | Tổng số                            | 1.305.0<br>00 | 13.050.000.000 | 1,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                         |                                    |               |                |       |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 19/03/1977      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077043072

Ngày cấp: 24/06/2021      Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 2201 nhà 249A đường Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 2201 nhà 249A đường Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận  
Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội